

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH
Về việc phê duyệt Chiến lược quản lý hệ thống khu bảo tồn
thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 1650/BNN-KL ngày 27 tháng 6 năm 2003 về việc phê duyệt “Chiến lược quản lý hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010”, ý kiến của các Bộ: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Thủy sản, Văn hoá - Thông tin, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược Quản lý Hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Thiết lập, tổ chức và quản lý có hiệu quả hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên phân bố ở các hệ sinh thái khác nhau (bao gồm các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn, khu bảo tồn thiên nhiên vùng đất ngập nước và các khu bảo tồn thiên nhiên biển) nhằm góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên, tính đa dạng sinh học, cảnh quan phong phú và độc đáo của Việt Nam trong khuôn khổ phát triển bền vững. Kết hợp chặt chẽ các hoạt động bảo tồn và phát triển, phát huy đầy đủ vai trò và chức năng của hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên để góp phần tích cực vào việc thực hiện Chiến lược tăng trưởng toàn diện, xoá đói giảm nghèo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Nâng cao nhận thức chung của người dân về tầm quan trọng, giá trị của nguồn tài nguyên và đa dạng sinh học, xác định rõ vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia của người dân trong việc bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên.

3. Đổi mới thể chế chính sách quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước đối với hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên. Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học của chính quyền các địa phương và các Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế, xác định nguồn và cách tiếp cận các khoản tài trợ.

II. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

1. Nguyên tắc:

Nguyên tắc cơ bản là phát triển bền vững: Phải đảm bảo phát triển trước mắt không làm tổn hại đến tương lai và quản lý bảo vệ tốt tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học của đất nước, cụ thể là:

- Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên và vùng đệm cần có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương bằng cơ chế, kế hoạch cụ thể. Đảm bảo thực hiện các nguyên tắc trên cơ sở tổng hợp, bao gồm cả bảo tồn nguồn gen, loài và hệ sinh thái; phòng chống các nguy cơ có thể gây tổn thất cho những giá trị này.

- Kế hoạch quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn thiên nhiên phải tham khảo đầy đủ nguyện vọng về kinh tế và thu hút sự tham gia của các cộng đồng dân cư sống xung quanh khu bảo tồn thiên nhiên. Nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế, môi trường và khoa học của bảo tồn thiên nhiên và phát huy vai trò quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là cấp xã, huyện đối với lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa phận hành chính của xã, huyện.

- Trong khu bảo tồn thiên nhiên, cần ưu tiên lập kế hoạch quản lý và khẩn trương hành động một cách có hiệu quả ở nơi có nguy cơ bị đe dọa cao như nguy cơ tuyệt chủng của các loài sinh vật bản địa hay gây tổn hại tới hệ sinh thái.

- Thường xuyên cập nhật, tham khảo các kết quả nghiên cứu và thông tin mới, để nâng cao hiệu quả quản lý và theo dõi kết quả thực hiện các giải pháp quản lý mới.

- Tìm hiểu đầy đủ và nhận thức đúng đắn các thông tin về truyền thống sử dụng và mối quan hệ đặc biệt của các nhóm dân tộc thiểu số với tài nguyên đất đai và đa dạng sinh học.

- Chính phủ quan tâm hỗ trợ có hiệu quả cho công tác quản lý khu bảo tồn thiên nhiên thông qua ưu tiên cấp vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách nhà nước và các hoạt động hỗ trợ thích hợp khác.

2. Phương pháp tiếp cận:

- Tăng cường sự quản lý liên ngành trên cơ sở xác định rõ cơ quan đầu mối theo đúng những qui định tại Luật Tổ chức Chính phủ và các Nghị định của Chính phủ qui định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Gắn chặt nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững để phát huy đầy đủ tiềm năng, lợi thế của tài nguyên thiên nhiên và tính đa dạng sinh học hiện có, tạo nên những nguồn lực mới ngay từ các khu bảo tồn thiên nhiên đã thiết lập để quản lý bền vững và lâu dài.

- Xã hội hoá công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

III. CÁC HÀNH ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Quy hoạch hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên:

- Hoàn thiện qui hoạch và phân hạng, xếp loại hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam ở các hệ sinh thái khác nhau (bao gồm các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn, đất ngập nước và khu bảo tồn thiên nhiên biển), trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt và quyết định về hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Xác lập thứ tự ưu tiên quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên dựa trên nguyên tắc ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học và các tiêu chí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Xây dựng khung pháp lý về quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên:

- Xây dựng khung pháp lý thống nhất về bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền và tăng cường thực thi các văn bản pháp qui về bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên đã ban hành.

- Rà soát và đề xuất bổ sung các văn bản dưới luật để thực thi có hiệu lực các luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường đã ban hành. Đơn giản hoá và tăng cường hiệu lực của các quy chế đã và sẽ ban hành.

- Nâng cao năng lực của các tổ chức thừa hành pháp luật và phối hợp chặt chẽ với lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong việc thi hành các luật bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đã ban hành.

- Rà soát các qui định về xử phạt hành chính để đề nghị sửa đổi mức phạt đối với các vi phạm về bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác nhau (như: rừng, nước, thủy sản, môi trường), tránh những chênh lệch, bất hợp lý về mức phạt đã quy định ở các lĩnh vực khác nhau. Xem xét các hình thức phạt phù hợp khác như là một giải pháp thay thế cho việc phạt tiền đối với người nghèo.

- Củng cố và tăng cường hiệu lực và hiệu quả của lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản và hải quan, kể cả việc phối hợp với các cơ quan thừa hành pháp luật như công an, hải quan, toà án, viện kiểm sát.

- Nghiên cứu cải tiến chế độ tiền lương và cơ chế bồi thường thương tật cho lực lượng thừa hành pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nhất là ở các vùng có nhiều khó khăn.

- Hoàn thiện và hệ thống hoá các văn bản pháp qui đã ban hành và việc theo dõi tình hình thực thi các văn bản đó.

3. Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học:

- Làm rõ mối quan hệ giữa vùng đệm và khu bảo tồn thiên nhiên bằng các giải pháp xây dựng Qui chế hoạt động và nguyên tắc phối hợp giữa vùng đệm với khu bảo tồn thiên nhiên. Qui định quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia quản lý vùng đệm, đặc biệt đối với cộng đồng các dân tộc trên mỗi địa phương có khu bảo tồn thiên nhiên. Xây dựng kế hoạch dài hạn về đầu tư cho vùng đệm.

- Xây dựng các qui ước về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học của cộng đồng dân cư thôn bản; xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình bền vững trong vùng đệm.

- Tăng cường công tác bảo tồn chuyên vị các loài động, thực vật hoang dã đang bị đe dọa bằng các giải pháp xây dựng các Vườn thực vật, củng cố và phát triển các Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã.

- Xây dựng và ban hành văn bản pháp qui về nguyên tắc hợp tác và xác định trách nhiệm trong hoạt động du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn thiên nhiên; thống nhất cơ chế chia sẻ lợi ích thu được từ du lịch và qui định tái đầu tư cho công tác quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học ở các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách và xây dựng các mô hình phát triển vùng đệm. Xây dựng và ứng dụng rộng rãi việc thực hiện các dự án trình diễn về sử dụng các sản phẩm ngoài gỗ và trồng cây thuốc, các mô hình trồng cây làm củi phân tán và tập trung.

- Hạn chế việc khai thác củi làm nhiên liệu và đảm bảo sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ; ngăn chặn nạn săn bắn, tàng trữ và buôn bán sinh vật biển và động, thực vật hoang dã trái phép; kiểm soát các loài động, thực vật nhập nội.

- Ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu tác động môi trường đối với đất ngập nước và các hệ sinh thái biển do phát triển kinh tế gây ra; nâng cao năng lực kiểm soát lửa rừng và phòng cháy - chữa cháy rừng; giảm lấn chiếm đất lâm nghiệp.

- Phát hiện những điều bất cập trong công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học để tìm ra các giải pháp hữu hiệu trên cơ sở phân tích, lựa chọn ý kiến của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các nhà bảo tồn và cộng đồng dân cư tại địa phương.

4. Đổi mới hệ thống tổ chức quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên:

Các Bộ, ngành được giao nhiệm vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên phải rà soát nhiệm vụ của Bộ, ngành mình trong việc bảo tồn đa dạng sinh học và tổ chức quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; nghiên cứu đề xuất một cơ cấu tổ chức hợp lý (theo ngành hoặc liên ngành, chuyên trách hoặc phối hợp) phù hợp với Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ:

- Phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp đối với các loại tài nguyên ở các khu bảo tồn thiên nhiên, trong đó quy định rõ những việc mà Ủy ban nhân dân các tỉnh nhất thiết phải trình Bộ chủ quản trước khi quyết định. Tăng cường năng lực cho Ủy ban nhân dân các cấp để thực thi tốt hơn nhiệm vụ quản lý nhà nước về rừng đặc dụng ở địa phương mình theo đúng quy định tại Quyết định 245/TTg ngày 21 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp đối với rừng và đất lâm nghiệp.

- Tăng cường năng lực và đổi mới tổ chức quản lý của các cơ quan, Cục quản lý chuyên ngành của các Bộ đã được giao nhiệm vụ quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên như: Cục Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Cục Bảo vệ Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường), Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Bộ Thủy sản). Tạo điều kiện cho các cơ quan này thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước đối với các khu bảo tồn thiên nhiên đã được Chính phủ phân công và phối hợp quản lý liên ngành có hiệu quả hơn.

- Đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý đối với Ban Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên tạo thành các đơn vị sự nghiệp, có đủ điều kiện thực hiện được các nhiệm vụ ở cấp cơ sở về quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên theo các quy định hiện hành.

5. Đổi mới cơ chế thiết lập, đầu tư và cung cấp tài chính cho các khu bảo tồn thiên nhiên:

- Trên cơ sở rà soát lại qui hoạch của từng khu bảo tồn thiên nhiên, cần làm rõ ranh giới, qui định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên đối với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trên địa phận được Nhà nước giao quản lý.

- Bố trí đủ các nguồn lực cần thiết để đáp ứng được yêu cầu của các kế hoạch hoạt động đã phê duyệt nhằm quản lý tất cả các khu bảo tồn thiên nhiên đã xác định trong hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên đến năm 2010.

- Khẩn trương trình duyệt quy hoạch các khu bảo tồn thiên nhiên và tạo điều kiện để thiết lập, tổ chức quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên đó.

- Rà soát, ban hành văn bản pháp quy mới, quy định lại thủ tục và trình tự thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên để giảm bớt các khâu trùng lặp.

- Xây dựng và ban hành quy chế đa ngành về cơ cấu tổ chức và quản lý các loại, hạng, phân hạng khu bảo tồn thiên nhiên, quy định cụ thể nhiệm vụ của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên về các mặt: Bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ bản, phát triển du lịch sinh thái.

- Nghiên cứu quy định nhiệm vụ cụ thể cho các Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên đối với chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương thuộc vùng đệm.

- Nghiên cứu mô hình tổ chức và cơ chế quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên nằm trên địa phận nhiều tỉnh, huyện để tăng cường phối hợp giữa các địa phương trong nỗ lực bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên có hệ sinh thái liên tỉnh.

- Chỉ đạo kiện toàn tổ chức của các Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên để tạo điều kiện cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên trở thành đơn vị sự nghiệp, có quyền chủ động và chịu trách nhiệm về việc thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được giao theo đúng địa vị pháp lý đã xác định.

- Bổ sung các phương tiện cần thiết cho công tác quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, nhất là phương tiện thông tin, liên lạc, vận chuyên, điều tra ở các khu bảo tồn thiên nhiên để tạo điều kiện cho các nhân viên tiếp cận với khu vực được giao và làm việc với người dân địa phương.

- Ban hành văn bản pháp quy quy định rõ trách nhiệm và nội dung xây dựng kế hoạch hoạt động định kỳ (hàng năm, 5 năm, 10 năm) về quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên ở các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Đổi mới cơ chế cấp phát tài chính từ ngân sách nhà nước: xây dựng các quy định cụ thể về hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh để thực hiện việc đầu tư xây dựng và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn; Nghiên cứu thành lập Quỹ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hình thành từ nhiều nguồn khác nhau để cung cấp tài chính cho các hoạt động của khu bảo tồn thiên nhiên; xây dựng định mức chi phí thường xuyên về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên tính theo tiêu thức thích hợp, dùng làm cơ sở cấp phát chi phí thường xuyên cho các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Nghiên cứu và xây dựng quy chế để tăng cường nguồn lực tài chính và huy động các nguồn tài chính của xã hội đầu tư cho các khu bảo tồn thiên nhiên (như các loại phí, thuế và vé xô số); Xây dựng các cơ chế để thu hút các nguồn tài chính quốc tế đầu

tư cho Khu bảo tồn thiên nhiên (như khuyến khích đầu tư nước ngoài, đổi mới các quy chế đối tác để thực hiện vốn ODA có hiệu quả hơn, thu hút các tài trợ cá nhân và của các tổ chức quốc tế); Xây dựng cơ chế về đóng góp tài chính từ các cá nhân, tổ chức có sử dụng các khu bảo tồn thiên nhiên vào các mục đích mà khu bảo tồn thiên nhiên được phép đáp ứng để tăng cường nguồn lực đầu tư cho các khu bảo tồn thiên nhiên.

6. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao kiến thức và kỹ năng về bảo tồn:

- Xây dựng chương trình và đưa vào kế hoạch quản lý các nghiên cứu về tài nguyên đa dạng sinh học, về sử dụng tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Tổ chức các lớp đào tạo và tập huấn về: điều tra và giám sát đa dạng sinh học trong các khu bảo tồn thiên nhiên; tập huấn kỹ năng xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu, kỹ năng thu thập, xử lý và bảo quản mẫu động, thực vật; nâng cao kỹ năng quản lý các hệ sinh thái trên cơ sở sử dụng kỹ thuật hiện đại và sử dụng thiết bị hiện trường phục vụ cho việc quản lý xây dựng và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên...

- Tổ chức các lớp học và bồi dưỡng về Hệ thống thông tin địa lý (GIS), xây dựng các báo cáo và sử dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cho các cán bộ quản lý cấp tỉnh và vùng về công tác bảo tồn thiên nhiên.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình giáo dục và đào tạo để đáp ứng những nhu cầu khác nhau của những người liên quan trực tiếp đến công tác bảo tồn thiên nhiên và những người làm công tác tổ chức, quản lý cán bộ và hoạch định chính sách về quản lý và bảo tồn thiên nhiên.

- Đào tạo các nhà khoa học và kỹ thuật viên về xây dựng các chương trình cơ sở dữ liệu (dài hạn) và về chiến lược tìm kiếm thông tin trên mạng thông tin quốc tế (Internet) (ngắn hạn), về xây dựng trang Web và đưa lên mạng; tuyển dụng cán bộ làm việc ở hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên theo đúng yêu cầu về trình độ chuyên môn.

- Xây dựng các chương trình tham quan học tập ở trong và ngoài nước cho các cán bộ khu bảo tồn thiên nhiên để trao đổi kinh nghiệm và thông tin.

- Khuyến khích thực hiện các dự án nghiên cứu tập trung kể cả trong các khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm các lĩnh vực đánh giá phục vụ cho quá trình xây dựng chính sách của Chính phủ.

- Tổ chức đánh giá các khu vực có thể tiến hành trồng rừng hoặc tái sinh rừng trong khu bảo tồn thiên nhiên và xác định loài cây bản địa phù hợp cho từng vùng.

- Nâng cao kỹ năng xây dựng các dự án phát triển vùng đệm và các khu vực khác gần các khu bảo tồn thiên nhiên về sử dụng tài nguyên một cách bền vững và các dự án phục hồi rừng trong khu bảo tồn thiên nhiên.

7. Đẩy mạnh công tác Thông tin - Giáo dục - Truyền thông và thu hút cộng đồng tham gia vào công tác bảo tồn đa dạng sinh học:

- Xây dựng các chương trình về Thông tin - Giáo dục - Truyền thông để tiến hành nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học và khu bảo tồn thiên nhiên cho các cộng đồng dân cư sống ở vùng lõi và vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên, các nhà quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, chính quyền và các nhà hoạch định chính sách ở các cấp.

- Đào tạo cán bộ truyền thông về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên và xem họ là lực lượng nòng cốt được giao nhiệm vụ nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học ở cấp cơ sở. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác truyền thông về bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý khu bảo tồn thiên nhiên cho cán bộ quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Tổ chức phổ cập kiến thức về bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên cho cán bộ chủ chốt của các xã có khu bảo tồn thiên nhiên và vùng đệm.

- Phát triển công tác truyền thông về các khu bảo tồn thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học đến cộng đồng dân cư để nâng cao nhận thức và năng lực quản lý cho cộng đồng.

- Thu hút các tổ chức như: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam... và cộng đồng dân cư các địa phương vào công tác lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức.

- Đưa kiến thức liên quan đến đa dạng sinh học và khu bảo tồn thiên nhiên vào các giáo trình ở cấp tiểu học, trung học và đại học, nhất là ở các trường sư phạm và trường nội trú ở các tỉnh miền núi.

- Khuyến khích các tổ chức phi chính phủ chủ động thực hiện các công việc chuyển giao kiến thức, nghiên cứu, đào tạo và hỗ trợ việc quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên và phát triển vùng đệm, nhất là hoạt động nông - lâm nghiệp.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế:

- Thực hiện kế hoạch hành động đa dạng sinh học đã ban hành và Chiến lược quản lý hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam để tăng thêm những đóng góp thiết thực và cụ thể của nước ta vào việc thực hiện Công ước quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học.

- Rà soát lại danh mục đề xuất các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước và đề xuất thêm các khu mới để đưa vào danh sách các khu Ramsar nhằm thu hút sự quan tâm của cộng đồng trong và ngoài nước.

- Thúc đẩy bảo vệ bền vững đất ngập nước và duy trì các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước (cả các khu to và nhỏ) khỏi khô cạn hoặc được sử dụng vào những mục đích khác, làm suy giảm đa dạng sinh học và các giá trị của chúng.

- Phân công trách nhiệm, cung cấp nguồn lực và cơ sở vật chất cho công tác giám sát việc tuân thủ các Công ước RAMSAR, nhất là tại các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

- Đảm bảo đúng tiến độ và độ tin cậy của các báo cáo quốc gia được thực hiện ba năm một lần và tham dự đầy đủ các cuộc hội thảo của các nước thành viên và duy trì liên lạc với Ban thư ký Công ước Ramsar.

- Thực thi luật pháp quốc gia về động, thực vật hoang dã và tiến hành các hội thảo đào tạo về Công ước buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) cho các cơ quan liên quan của Việt Nam.

- Tăng cường năng lực thực hiện Công ước CITES của các cơ quan thẩm quyền CITES bằng cách nâng cao sự tiếp cận (ví dụ: dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt) các

tài liệu của CITES và tham dự vào cuộc họp Hội nghị các nước thành viên của CITES. Hợp tác có hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động của Tổ chức giám sát buôn bán động thực vật (TRAFFIC).

- Tăng cường công tác kiểm soát dọc các tuyến biên giới trên đất liền, trên biển, các cửa khẩu thông thương giữa Việt Nam với nước ngoài.

- Khuyến khích phối hợp thực thi Công ước CITES giữa Việt Nam và các nước láng giềng. Xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia để tăng cường kiểm soát buôn bán động, thực vật hoang dã bất hợp pháp và không bền vững. Xây dựng Chiến lược buôn bán động, thực vật hoang dã Khu vực nhằm đảm bảo nỗ lực hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề về buôn bán động thực vật hoang dã.

- Hợp tác chặt chẽ với TRAFFIC để tăng cường các cuộc điều tra về hoạt động buôn bán bất hợp pháp động, thực vật (ví dụ đối với loài rùa biển).

9. Các ưu tiên của Chiến lược:

- Xây dựng khung pháp lý cần thiết cho công tác quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên. Nghiên cứu, xây dựng mới về Luật Bảo tồn Thiên nhiên để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Tổ chức một cơ quan quốc gia làm đầu mối quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên có hiệu lực cao hơn phù hợp với nội dung cải cách hành chính.

- Thiết lập, kết nối thông tin liên lạc chính thức giữa các Ban quản lý và các cơ quan chịu trách nhiệm phát triển vùng đệm để xem xét các quyết định phát triển ở cả khu bảo tồn thiên nhiên và vùng đệm.

- Xây dựng kế hoạch quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên và các quy định cho phép thực hiện các hoạt động phát triển khu bảo tồn để có thể đánh giá và tổng kết các hoạt động và kế hoạch tài chính tổng hợp; nâng cấp cơ sở hạ tầng cần thiết trực tiếp hỗ trợ quản lý, nâng cấp và cung cấp thiết bị hiện trường cho các khu bảo tồn thiên nhiên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, phân bổ các nguồn vốn, điều phối kinh phí chung và điều phối các nguồn tài trợ, nguồn ngân sách nhà nước hàng năm cho các loại hình khu bảo tồn thiên nhiên.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch về các đề tài nghiên cứu khoa học để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học, làm cơ sở cho việc quản lý có hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc hệ thống rừng đặc dụng.

- Bộ Thủy sản có trách nhiệm tổ chức quản lý các khu bảo tồn biển.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức việc đưa các nội dung giáo dục về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên vào giảng dạy ở các trường học.

- Bộ Văn hoá-Thông tin có trách nhiệm phối hợp với các Bộ được giao quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên làm tốt công tác thông tin và truyền thông.

- Các tổ chức xã hội theo chức năng của mình tham gia vào các hoạt động Thông tin - Giáo dục - Truyền thông, động viên hội viên, đoàn viên của mình tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên tại cộng đồng.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm và có thẩm quyền cao nhất đối với việc thực hiện Chiến lược ở mỗi tỉnh, thiết lập cơ cấu tổ chức phù hợp ở địa phương, lập các kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện Chiến lược, chỉ đạo cấp huyện thực hiện các nội dung của Chiến lược. Phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương và các nhà tài trợ thu hút các nguồn vốn và trợ giúp kỹ thuật nhằm đẩy mạnh thực hiện Chiến lược.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Đã ký)

Phan Văn Khải